TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2018
V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Phước
2. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018. Về tranh chấp về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐXXST – HN ngày 05 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng T trình bày: Chị và anh S do mai mối tìm

hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý đi đến hôn nhân vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N theo quy định của pháp luật, nữ trang cưới có 02 chỉ vàng 24Kra (bông tai 01 chỉ và chiếc nhẫn 01 chỉ), số vàng này vợ chồng thống nhất bán để làm ăn, hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình bên anh S được vài năm thì ra sống riêng, cuộc sống hạnh phúc đến tháng 5/2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con và anh S không chung thủy với chị, năm 2015 chị đã gởi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng đã rút đơn lại tạo điều kiện cho anh S sửa đổi và chị cũng đã tạo cho anh S rất nhiều cơ hội, nhưng anh vẫn không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm, từ đó mà chị và anh S đã ly thân nhau từ tháng 10/2014 cho đến nay không hàn gắn được. Anh S đã 02 lần đi chấp hành án về tội phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đi đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trần Quốc T, sinh 1997; Trần Thị Hồng N, sinh 1998 và Trần Thị Hồng L, sinh 02/9/2000 hiện các con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, đối với Quốc T và Hồng N đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết, đối với Hồng L thì tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với chị hay sống với anh S đều được, nếu Hồng L sống với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn S trình bày: Anh có cùng lời trình bày với chị T về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, nữ trang ngày cưới, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, chị T nghi ngờ anh không chung thủy với chị, dẫn đến cự cãi thường xuyên làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng tuy sống chung nhau nhưng không ai nói chuyện ai, mạnh ai nấy sống, khoảng 04 tháng nay do mẹ ruột anh bị bệnh nên anh về nhà mẹ ruột ở gần đó sống, chăm sóc mẹ anh. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T vì anh vẫn thương vợ, thương con. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn thì về con chung đã trưởng thành muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh S xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản khai ngày 14 tháng 5 năm 2018, cháu Trần Thị Hồng L trình bày: Cha cháu là Trần Văn S và mẹ Bùi Thị Hồng T, hiện tại cháu đang sống với mẹ, mẹ cháu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Nay cha và mẹ cháu không còn sống chung, nguyện vọng cháu được sống với mẹ.

Vị đại điện Viện kiểm sát nhân dân huyện L trình bày quan điểm cho rằng : Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T; Cho chị T và anh S được ly hôn; Về con chung: Đối với Trần Quốc T, sinh 1997; Trần Thị Hồng N, sinh 1998 đã trưởng thành đương sự không yêu cầu, không xem xét. Đối với Trần Thị Hồng L, sinh 02/9/2000 giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu giải quyết không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự không yêu cầu giải quyết không xem xét; Về án phí sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa hôm nay có mặt chị T là nguyên đơn. Anh S là bị đơn và cháu Hồng L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Các đương sự có mặt không bổ sung tài liệu chứng cứ, vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với anh S. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh S có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp H, xã N, huyện L, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 04/11/2003; Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị T với anh S là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T cho rằng do anh S không lo làm ăn, không lo cho gia đình, vợ con và không chung thủy với chị. Theo anh S thì cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau và chị T nghi ngờ anh có người khác, từ đó cự cãi thường xuyên, từ khi anh chấp hành án về nhà sống cho tới nay, thì vợ chồng tuy sống chung nhau nhưng không ai nói với ai, mạnh ai nấy sống, khoảng 04 tháng nay anh về nhà cha mẹ ở gần đó sống. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh S, ý kiến anh S cho rằng vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn, nếu chị T cương quyết thì anh đồng ý. Xét thấy chị T và anh S vợ chồng tuy vẫn sống chung nhau, nhưng vợ chồng không thương yêu quí trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau để vun đắp hạnh phúc gia đình, đằng này người nào chỉ biết bổn phận người đó sống sao thì sống, không ai quan tâm ai, trầm trọng hơn là khoảng đầu năm 2018 anh T bỏ về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Mặt khác, chị T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn thương yêu anh S và chị xin được ly hôn với anh S. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị T và anh S được ly hôn với nhau.

[5] Về con chung: Chị T và anh S thừa nhận Trần Quốc T, sinh 1997; Trần Thị Hồng N, sinh 1998 và Trần Thị Hồng L, sinh 02/9/2000 là con chung của anh chị, hiện tại các con đang sống với chị T. Đối với Quốc T và Hồng N đã trưởng thành chị T và anh S không yêu cầu giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét; Đối với Hồng L, chị T và anh S thống nhất theo nguyện vọng con, muốn sống với chị hay anh đều được. Căn cứ vào bản khai ngày 14 tháng 5 năm 2018 thể hiện nguyện vọng của Hồng L là muốn được sống với chị T, xét nguyện vọng của Hồng L phù hợp với ý kiến của chị T và anh S, cũng như phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Hồng L là có căn cứ.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị T và anh S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T và anh S xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh S không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Hồng T.

Về hôn nhân : Chị Bùi Thị Hồng T và anh Trần Văn S được ly hôn.

2/ Về con chung : Đối với Trần Quốc T, sinh 1997; Trần Thị Hồng N, sinh 1998 đã trưởng thành chị T và anh S không yêu cầu giải quyết không xem xét. Đối Trần Thị Hồng L, sinh 02/9/2000 giao chị Bùi Thị Hồng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con : Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Hồng T và anh Trần Văn S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Bùi Thị Hồng T và anh Trần Văn S xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

6/ Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hồng T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0014563 nộp ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L được khấu trừ vào số tiền án phí mà chị T phải chịu, do đó chị T không phải nộp.

Anh Trần Văn S không phải chịu án phí sơ thẩm.

"Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
-TAND tỉnh Trà Vinh;
-VKS huyện L;
-Chi cục THADS;
-UBND xã N;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Tha